

**CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN INOX THÀNH NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên chi nhánh**

Tên chi nhánh viết bằng tiếng Việt: CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN INOX THÀNH NAM

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0900613295-001

**3. Ngày thành lập:** 11/11/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 17 ngách 63/5 đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0932.323.243

Fax:

Email: [admin@saigon-steel.com.vn](mailto:admin@saigon-steel.com.vn)

Website: [www.saigon-steel.com.vn](http://www.saigon-steel.com.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành                                                     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>Chi tiết: Sản xuất bao bì nhựa                                                                                                                                                                                          | 2220                                                         |
| 2.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                            | 2592                                                         |
| 3.  | Bốc xếp hàng hóa<br>(không bao gồm bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                                                                                                    | 5224                                                         |
| 4.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                               | 5510                                                         |
| 5.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                                                                                                                                                                                     | 4662(Chính)                                                  |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                           | 4669                                                         |
| 7.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke)                                                                                                                                   | 5610                                                         |
| 8.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                   | 4100                                                         |
| 9.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                               | 4210                                                         |
| 10. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                     | 4511                                                         |
| 11. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                       | 4541                                                         |
| 12. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>(không bao gồm môi giới bất động sản, môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài, môi giới chứng khoán, xuất khẩu lao động)                                                                                                    | 4610                                                         |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                         | 4659                                                         |
| 14. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                          | 4933                                                         |
| 15. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                                                                                   | 6810                                                         |
| 16. | Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật<br>(NHẬN SÁP NHẬP CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ GIẢNG VÕ; MÃ SỐ DN 0900285238 DO PHÒNG ĐKKD TỈNH HƯNG YÊN CẤP NGÀY 21/5/2008) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

## 6. Vốn điều lệ:

Họ và tên: NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 26/05/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001077000526

Ngày cấp: 01/07/2013

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và QLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu dân cư Phú Mỹ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 1402A tòa nhà FLC Landmark Tower, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội